

PHỤ LỤC. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh
		Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	54.777.138	7.441.128	8.241.568	12.789.376	13.494.868	12.810.198	82.578.975	90.781.513
I	Thu nội địa	33.421.343	5.419.153	6.025.224	6.756.653	7.231.584	7.988.729	39.934.860	47.809.825
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	9.606.238	1.212.059	1.599.222	1.964.951	2.439.697	2.390.309	11.500.000	15.372.979
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	42.837	5.963	6.179	10.484	10.647	9.564	55.800	81.326
II	Thu từ dầu thô (nếu có)	-							-
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)	21.251.508	2.021.975	2.216.344	5.983.058	6.243.170	4.786.961	42.644.115	42.644.115
IV	Thu huy động đóng góp nhân dân	104.287			49.665	20.114	34.508		259.209
V	Thu viện trợ								68.364
B	TỔNG THU NSDP	103.334.042	16.310.956	18.745.956	20.282.786	23.023.148	24.971.196	104.722.339	157.722.371
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	31.247.981	5.357.934	5.619.640	6.317.526	6.654.052	7.298.829	37.888.447	45.777.532
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.285.465	6.948.928	9.033.433	9.110.306	10.233.433	10.959.365	64.433.892	60.111.322
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28.388.491	3.261.673	5.719.191	6.073.471	6.605.200	6.728.956	64.433.892	38.840.572
-	Thu bổ sung có mục tiêu	17.896.974	3.687.255	3.314.242	3.036.835	3.628.233	4.230.409		21.270.750
III	Thu bổ sung từ quỹ dự trữ tài chính	291.135		91.135			200.000		-
IV	Thu chuyển nguồn	24.954.819	3.918.568	3.949.890	4.803.784	5.956.094	6.326.483	2.400.000	50.290.084
V	Thu kết dư ngân sách	554.642	85.526	51.858	51.170	179.569	186.519		1.543.433
C	TỔNG CHI NSDP	101.932.191	16.069.313	18.538.044	19.661.790	22.763.505	24.899.539	103.413.602	153.728.448
I	Chi đầu tư phát triển	26.554.966	4.237.625	4.717.659	4.359.377	6.152.204	7.088.101	30.147.500	46.319.738
II	Chi thường xuyên	47.132.621	7.641.258	9.015.034	9.643.917	10.282.764	10.549.648	70.837.702	55.316.238
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.042			1.062	714	1.266	121.700	58.917
IV	Chi khác	245.981	240.540	1.421	1.340	1.340	1.340	6.700	6.700
V	Chi chuyển nguồn	27.995.581	3.949.890	4.803.930	5.656.094	6.326.483	7.259.184	2.300.000	51.530.900
VI	Chi nộp ngân sách Trung ương								493.355
VII	Chi hỗ trợ địa phương khác								2.600
D	BỘI CHI/BỘI THU NSDP	202.075	-	-	26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
E	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP			1.035.630	984.779	1.029.516	1.069.716	1.447.675	2.099.449
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)		902.808	748.612	591.011	479.100	437.487	534.215	312.851
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	570.668	154.196	157.601	138.104	89.562	31.205	351.253	121.022
-	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	453.938	130.850	134.255	114.758	66.216	7.859	340.165	115.922
-	Dự án tự đảm bảo	116.730	23.346	23.346	23.346	23.346	23.346	11.088	5.100
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	202.075	-	-	26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
-	Vay để bù đắp bội chi	202.075			26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)		748.612	591.011	479.100	437.487	534.215	1.412.213	1.285.119

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh
		Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH